

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10***Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 29/10/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.GK1.035**TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Hệ quy chiếu gồm những gì?

- A. Chỉ gồm đồng hồ và mốc thời gian.
- B. Chỉ gồm hệ toạ độ gắn với vật làm mốc.
- C. Gồm vật chuyển động và quãng đường nó đi được.
- D. Vật làm mốc gắn với hệ toạ độ, cùng một mốc thời gian và đồng hồ.

Câu 2. Trong bài thực hành đo gia tốc rơi tự do, giá đỡ thẳng đứng có dây dọi dùng để làm gì?

- A. Giữ vật rồi thả ra đúng lúc bắt đầu tính thời gian.
- B. Ghi thời điểm vật che chùm sáng, không phụ thuộc phản xạ tay người.
- C. Giữ cho phương rơi đúng phương thẳng đứng.
- D. Hiển thị khoảng thời gian giữa hai lần cổng quang bị che.

Câu 3. Vì sao không được nhìn thẳng vào chùm laser để kiểm tra xem đèn có sáng không?

- A. Vì làm đứt dây bên trong, gây chập điện.
- B. Vì nội quy phòng thí nghiệm cấm, chú không có nguy hiểm nào.
- C. Vì làm như vậy tốn thời gian hơn cách thông thường.
- D. Vì chùm laser làm tổn thương võng mạc.

Câu 4. Một con robot có vận tốc 6,3 m/s so với mặt đường. Một ô tô chạy cùng chiều dương với vận tốc 9 m/s. Vận tốc của một con robot so với ô tô bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 15,3 m/s
- B. 9 m/s
- C. 6,3 m/s
- D. -2,7 m/s

Câu 5. Một thuyền máy chạy với vận tốc 33 km/h so với dòng sông. Nước chảy với vận tốc 3 km/h so với bờ. Khi xuôi dòng, vận tốc của thuyền máy so với bờ bằng

- A. 99 km/h
- B. 30 km/h
- C. 36 km/h
- D. 33 km/h

Câu 6. Khi mô hình hoá bài toán dừng xe, quãng đường dừng gồm những phần nào?

- A. Chỉ quãng đường xe chạy trong thời gian phản ứng.
- B. Chỉ quãng đường xe đi từ lúc bắt đầu đạp phanh.
- C. Quãng đường xe chạy trong thời gian người lái phản ứng, cộng quãng đường xe đi khi đang hãm.
- D. Quãng đường phản ứng nhân với quãng đường hãm.

Câu 7. Việc “quyết định sẽ đo quãng đường và thời gian ở năm giá trị khác nhau” thuộc bước nào trong tiến trình tìm hiểu tự nhiên?

- A. Lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết
B. Thực hiện kế hoạch, thu thập số liệu
C. Hình thành giả thuyết
D. Rút ra kết luận, báo cáo

Câu 8. Mô hình mặt phẳng nhẵn chỉ dùng được khi nào?

- A. Khi kích thước vật rất nhỏ so với quãng đường nó đi.
B. Khi ma sát nhỏ tới mức không ảnh hưởng kết quả.
C. Khi biến dạng của vật nhỏ tới mức bỏ qua được.
D. Khi ánh sáng truyền trong môi trường trong suốt, đồng tính.

Câu 9. Đo được $m = 55 \text{ g}$ và $V = 11 \text{ cm}^3$. Tính khối lượng riêng theo $\rho = \frac{m}{V}$.

- A. 5 g/cm^3
B. 605 g/cm^3
C. 66 g/cm^3
D. 44 g/cm^3

Câu 10. Cùng một nhiệt kế lần lượt hiển thị $M_A = 39^\circ\text{C}$, $M_B = 14^\circ\text{C}$. Mô hình mỗi lần là $M_i = T_i + b + \varepsilon_i$; b giống hệt ở hai lần, chưa biết trong $[-3; 3]^\circ\text{C}$ | $|\varepsilon_A| \leq 0,1^\circ\text{C}$, $|\varepsilon_B| \leq 0,2^\circ\text{C}$. Hai sai số riêng độc lập về giới hạn, không giả định phân bố xác suất. Khoảng chặt nhất của hiệu nhiệt độ thật là gì?

- A. $[25; 25]^\circ\text{C}$.
B. $[24, 7; 25, 3]^\circ\text{C}$.
C. $[18, 7; 31, 3]^\circ\text{C}$.
D. $[24, 9; 25, 1]^\circ\text{C}$.